TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **9**6/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2018
V/v:"*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Thanh Tuyến.
2. Ông Lê Văn Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về "*Ly hôn và tranh chấp nuôi về con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Phan Thị C, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.
2.Bị đơn: Anh Ngô Văn T, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.
Tại phiên tòa sơ thẩm chị C vắng mặt và có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2018, nguyên đơn là chị Phan Thị C trình bày:

Vào năm 1997, chị và anh T quen nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình chị và anh T tiến đến hôn nhân, cả hai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/12/2001.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc và sinh được hai con chung là cháu Ngô Văn T1, sinh ngày 29/4/1998 và Ngô Thị Diễm H, sinh ngày 10/10/2003. Sau một thời gian, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm gay gắt, hai người không có tiếng nói chung. Chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2004 nhưng cũng không có biện pháp nào để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn vì vậy chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết cho chị ly hôn với anh Ngô Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Ngô Văn T1, sinh ngày 29/4/1998 đã trưởng thành tự lao động và nuôi sống đươc bản thân và cháu Ngô Thị Diễm H, sinh

ngày 10/10/2003, hiện đang sống chung với chị C, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

Anh Ngô Văn T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơn vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Chị C mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị C là đúng qui định.

Anh T là bị đơn trong vụ án vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

Về nội dung vụ án:

Chị Phan Thị C và anh Ngô Văn T tiến đến hôn nhân vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/12/2001 vì vậy hôn nhân của cả hai là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Theo chị C trình bày, thời gian đầu khi kết hôn cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm gay gắt, hai người không có tiếng nói chung, cả hai đã quyết định sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Tòa án đã tiến hành thông báo các phiên hòa giải với mục đích là hàn gắn quan hệ vợ chồng cho hai người tuy nhiên anh T đã không tham gia mà không có lí do chính đáng xem như đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh quan hệ vợ chồng giữa anh va chị C là không có mâu thuẩn.

Từ những phân đánh giá như trên, Hội đồng xét xử nhận định anh T dù biết ly hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân nhưng anh đã bỏ mặc cho chị C tự giải quyết, không cùng chị có biện pháp tích cực nhằm cải thiện tình trạng hôn nhân của cả hai để kéo dài mối quan hệ hôn nhân. Như vậy, tình trạng hôn nhân của cả hai đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được cần thiết phải chấp nhận yêu cầu của chị C cho chị C ly hôn với anh T.

Về con chung: Có hai cháu 02 tên Ngô Văn T1, sinh ngày 29/4/1998 đã trưởng thành tự lao động và nuôi sống đươc bản thân và cháu Ngô Thị Diễm H, sinh ngày 10/10/2003, hiện đang sống chung với chị C, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Xét thấy hiện con chung đang sống với chị C, việc giao con chung cho ai tiếp tục nuôi dưỡng là phải nhằm để ổn định cuộc sống, tâm lý và việc học của cháu. Mặt khác do con chung cũng có nguyện vọng được sống chung với chị C vì vậy Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Ngô Thị Diễm H cho chị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng cho con do chị C không yêu cầu là sự tự nguyện của chị vì vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

Về tài sản chung: Chị C trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị C trình bày không có vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên chị C phải có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0015336 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, chị C đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về "*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*". Cụ thể tuyên:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Phan Thị C, cho chị Phan Thị Ch được hôn với anh Ngô Văn T.

2. *Về con chung:* Chị Phan Thị C có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Ngô Thị Diễm H, sinh ngày 10/10/2003.

Ghi nhận chị Phan Thị C không yêu cầu anh Ngô Văn T cấp dưỡng cho con chung.

Anh Ngô Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị C phải có nghĩa vụ chịu số tiền 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0015336 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, chị C đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thanh;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đào Chí Cường

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND xã nơi cư trú.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bé **Lê Văn Cảnh** **Phạm Minh Tâm**